

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Minh

2/ Bà Hồ Thị Kim Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 328/2019/TLST-HN ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ L**, sinh năm 1986 (*Có mặt*)

ĐKTT: 383A/4 đường H, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: 221 đường B, phường T, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông **Bạch K**, sinh năm 1973 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 383A/4 đường H, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019 và bản tự khai nguyên đơn – bà Đỗ L trình bày:

Bà và ông Bạch K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82/KH -2008, quyền số 01 ngày 16/7/2008. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 4 năm gần đây giữa ông bà thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc cho con nhưng không đạt kết quả. Ông bà đã sống ly thân 02 năm nay. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Bà và ông K có 02 con chung tên Bạch H (nữ) sinh ngày 15/9/2009 và Bạch T sinh ngày 21/01/2015. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn - ông Bạch K trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung và nợ chung. Ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, đồng thời ông muốn vợ chồng tiếp tục chung sống để cho con cái có một gia đình trọn vẹn. Theo ông giữa hai vợ chồng cũng có cự cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì L. Nhà của vợ chồng ông kể bên nhà cha mẹ vợ nên vợ ông dắt con về nhà cha mẹ ở. Vì vậy, ông đề nghị có thời gian để ông bà nói chuyện và tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp hết thời gian Tòa án quy định cho ông bà nếu bà L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý để 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ông sẽ đóng góp kinh tế theo khả năng để nuôi con khôn L mà không cần đến quyết định của Tòa án về vấn đề cấp dưỡng. Về tài sản chung: vợ chồng ông có xây một căn nhà cấp 4 trên đất của gia đình vợ, một phần tiền của vợ chồng dành dụm, một phần của mẹ vợ cho và của em trai ông cho một số vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung.

Tòa án đã lập biên bản quy định thời gian để tạo điều kiện cho bà L, ông K hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hết thời gian quy định bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Bà L giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện về hôn nhân, con chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Ông K vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định. Riêng bị đơn chưa chấp hành tốt việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Bà L và ông K chung sống có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có nợ chung. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nên bà L yêu cầu ly hôn và nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Ông K xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Tuy nhiên, ông K cũng xác định ông bà đã có thời gian dài sống ly thân. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L; giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L và ông K khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đỗ L và ông Bạch K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82/KH -2008, quyển số 01 ngày 16/7/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Đỗ L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Bạch K nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Bạch K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ L và lời trình bày của ông Bạch K:

Theo bà Đỗ L trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà và ông Bạch K có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống vợ chồng không được hòa thuận. Mặc dù ông bà đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên đã sống ly thân khoảng 2 năm nay. Ông Bạch K xác nhận giữa ông bà cũng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, bà L và ông K đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài. Bà L trình bày đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông K vào cuối năm 2017 tuy nhiên sau khi suy nghĩ và được gia đình hòa giải bà đã rút đơn khởi kiện theo quyết định đình chỉ số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều để ông K thay đổi nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà nộp đơn khởi kiện lại. Theo nguyện vọng của ông K, Tòa án cũng đã lập biên bản quy định thời gian để ông bà có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, hết thời gian quy định, mặc dù được Tòa án triệu tập nhưng ông K vắng mặt và không có ý kiến gì khác, bà L xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông K mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà L và ông K khai thống nhất có 02 con chung tên Bạch H (nữ) sinh ngày 15/9/2009 và Bạch T (nam) sinh ngày 21/01/2015. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông K cũng thống nhất giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ông sẽ đóng góp theo khả năng để nuôi con khôn L. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của bà L, ông K cũng phù hợp với nguyện vọng của con là cháu Bạch H, phù hợp với thực tế từ khi bà L và ông K sống ly thân thì 2 con chung do bà L trực tiếp chăm sóc, phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời để ổn định cuộc sống và tâm lý của các cháu nên chấp nhận. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà L và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà L, ông K là không có nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đỗ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ L được ly hôn với ông Bạch K.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Bạch H (nữ) sinh ngày 15/9/2009 và Bạch T (nam) sinh ngày 21/01/2015 cho bà Đỗ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Bà L và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà L và ông K là không có nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đỗ L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), cần trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 008028 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thì bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- UBND P, A,
Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Mai